

Kính gửi: Các tổ chức hành nghề công chứng.

Ngày 09/01/2015, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 82/STP-BTTP về việc hướng dẫn thực hiện chứng thực, công chứng bản dịch. Theo đó, các tổ chức hành nghề công chứng (gọi tắt là TCHNCC) thực hiện việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và các văn bản pháp luật có liên quan.

Ngày 16/02/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (gọi tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP). Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10/04/2015 và thay thế Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Nghị định số 04/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; Điều 4 của Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực; các quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Nhằm triển khai thực hiện quy định của Luật công chứng năm 2014, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan được thông nhất, kịp thời, Sở Tư pháp đề nghị các TCHNCC thực hiện một số công việc sau:

1. Việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ

Việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, các TCHNCC cần lưu ý một số nội dung sau:

- Về chế độ lưu trữ (Điều 14): Thời hạn lưu trữ giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký là **02 (hai) năm**. Trong trường hợp chứng thực chữ ký của

người tiên hành giám định trong văn bản kết luận giám định tư pháp, **chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ.**

- *Về mẫu lời chứng thực:* Đề nghị các TCHNCC tuân thủ đúng mẫu lời chứng thực ban hành tại Mục I, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- *Về mẫu sổ chứng thực:* Đề nghị các TCHNCC nghiêm túc thực hiện việc mở sổ theo đúng biểu mẫu đã quy định tại Mục II, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (các TCHNCC phải mở **02 loại sổ** chứng thực sau: sổ chứng thực bản sao từ bản chính và sổ chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ).

2. Việc công chứng bản dịch

Việc công chứng bản dịch được thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật công chứng năm 2014.

3. Về phí, lệ phí chứng thực và công chứng bản dịch

Hiện nay, trong khi chờ hướng dẫn của Bộ Tư pháp về lệ phí chứng thực, phí công chứng bản dịch việc thu phí, lệ phí chứng thực và công chứng bản dịch tạm thời được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực và Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu các TCHNCC trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm túc Luật công chứng năm 2014, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp (thông qua phòng Bổ trợ tư pháp) để xem xét, chỉ đạo theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan cấp trên xem xét, giải quyết./.

(Công văn này thay thế Công văn số 82/STP-BTTP ngày 09/01/2015 của Sở Tư pháp nói trên).

Nơi nhận: *KL*

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phòng HCTP;
- Lưu: VT, BTTP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Hùng